

Số: 27/2020/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 27 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 42/2020/TLST-VDS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Mùa A D, sinh năm 1983. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Chị Vàng Thị C, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Mùa A D và chị Vàng Thị C kết hôn với nhau từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh D, chị C đăng ký kết hôn ngày 19/6/2004 tại UBND xã B1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến ngày 12/12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị C ngoại tình. Anh chị đã hòa giải và tiếp tục chung sống nhưng tình cảm vợ chồng rạn nứt, hai anh chị ngày càng có nhiều bất đồng trong cuộc sống. Anh D, chị C đều nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên. Tại phiên hòa giải, anh D và chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy

hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh D, chị C.

[2] Về con chung: Anh D, chị C có 02 con chung là các cháu Mùa A D1, sinh ngày 07/12/2001 (đã trưởng thành) và cháu Mùa A S sinh ngày 04/3/2004. Anh D, chị C thống nhất giao cháu S cho chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu S trưởng thành. Anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C số tiền là 5.000.000VNĐ/ 1 năm (năm triệu đồng/ 1 năm), thời gian cấp dưỡng tính từ năm 2021 cho đến khi cháu S trưởng thành đủ 18 tuổi. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh D, chị C tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí tòa án: Anh Mùa A D nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mùa A D và chị Vàng Thị C nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh D, chị C có 02 con chung là các cháu Mùa A D1, sinh ngày 07/12/2001 (đã trưởng thành) và cháu Mùa A S sinh ngày 04/3/2004.

Giao cháu Mùa A S cho chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi cháu S trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C số tiền là 5.000.000VNĐ/ 1 năm (năm triệu đồng/ 1 năm), thời gian cấp dưỡng tính từ năm 2021 cho đến khi cháu S trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh D được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh D, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung tại thời điểm ly hôn. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp hoặc có yêu cầu của người thứ ba thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Mùa A D nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0000222 ngày 12 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã B1, Mai Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga